

|H|A|C|K|E|R|S|
HACKERS
TOEIC David Cho

VOCABULARY

Phan Điều dịch



HACKERS TOEIC VOCABULARY

Copyright © 2018 David Cho
published in Vietnam, 2020

This edition is published in Vietnam under a license agreement between Hackers Language Research Institute Co., Ltd. and Alpha Books through Eric Yang Agency.

All rights reserved. NO part of this Publication or related audio files may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted, in any form or by any means, electronic or mechanical, including photocopying, recording, or otherwise, without the prior written permission of the copyright owner and Hackers Language Research Institute Co., Ltd.

HACKERS TOEIC VOCABULARY

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Alpha, 2020

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách Alpha. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: publication@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác về nội dung số: ebook@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: project@alphabooks.vn

Liên hệ dịch vụ tư vấn, đại diện & giao dịch bản quyền: copyright@alphabooks.vn

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Cho, David

Hackers TOEIC Vocabulary : Từ cơ bản đến nâng cao : 30 phút tự học TOEIC mỗi ngày / David Cho ; Phan Diệu dịch. - H. : Dân trí ; Công ty Sách Alpha, 2020. - 556tr. ; 24cm

ISBN 9786048897918

1. Tiếng Anh 2. TOEIC 3. Từ vựng 4. Sách luyện thi
428.1 - dc23

DTF0261p-CIP



Hackers TOEIC Vocabulary

CHINH PHỤC BÀI THI TOEIC DẠNG THỨC MỚI CÙNG HACKERS

Học tiếng Anh chuẩn để sẵn sàng cho bài thi TOEIC

Hackers TOEIC Vocabulary được biên soạn sau một quá trình nghiên cứu và cân nhắc kỹ càng về những phương pháp giúp người học xây dựng nền tảng từ vựng để chuẩn bị cho bài thi TOEIC. Bạn sẽ thấy việc học từ vựng tiếng Anh không chỉ hiệu quả hơn mà còn thú vị và dễ dàng hơn nhiều.

Một bước chuẩn bị hoàn hảo cho bài thi TOEIC dạng thức mới

Hackers TOEIC Vocabulary được thiết kế nhằm giúp người học có thể hoàn thành mục tiêu nhớ và nắm được cách sử dụng của khoảng gần 7600 từ vựng theo các chủ đề khác nhau trong vòng 30 ngày. Ngoài ra, bạn còn được cung cấp những nội dung cần thiết liên quan như: câu hỏi theo định dạng bài thi thật, các xu hướng ra đề của bài thi dạng thức mới. *120 thành ngữ và cụm từ cố định cần biết để chinh phục bài thi TOEIC* ở cuối sách cũng là một nguồn tài liệu quý giá khiến cho các câu hỏi trong bài thi TOEIC không thể làm khó bạn trên con đường chinh phục điểm số mơ ước.

Một cuốn sách phù hợp cho mọi đối tượng

Hackers TOEIC Vocabulary bao quát những nội dung phù hợp với nhiều đối tượng khác nhau, từ người mới tiếp cận đến người đã rất quen thuộc với bài thi TOEIC, thông qua cách thiết kế nội dung hợp lý với Từ vựng TOEIC cơ bản, Từ vựng TOEIC mức 800 điểm, Từ vựng TOEIC mức 900 điểm. Hãy xác định mục tiêu điểm số của mình và tập trung trau dồi vốn từ vựng cần thiết để đạt được mục tiêu đó nhanh chóng và hiệu quả nhất.

Một cuốn sách khiến cho việc học từ vựng trở nên dễ dàng và thú vị

Hackers TOEIC Vocabulary lồng ghép từ vựng trong nhiều nội dung đa dạng, giúp người học hiểu và nhớ từ tốt hơn. Bạn có thể bắt gặp từ vựng trong các mẫu truyện tranh ngắn hài hước, tìm hiểu ý nghĩa và cách sử dụng của từ trong các ví dụ minh họa, mở rộng thêm vốn từ với từ phái sinh, từ đồng nghĩa - trái nghĩa, và cũng được lưu ý về những câu hỏi có thể gặp phải trong bài thi TOEIC.

Giống như các giáo trình khác của chúng tôi, bạn sẽ cảm nhận được trong **Hackers TOEIC Vocabulary** nhiệt huyết và tinh thần Hackers, nơi các kiến thức không chỉ để giúp người học đạt được điểm số cao mà còn hướng tới việc nuôi dưỡng tâm hồn, để mỗi chúng ta có thể sinh sống và hòa hợp trong một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

David Cho

MỤC LỤC



Hackers TOEIC Vocabulary



Điểm nổi bật của Hackers TOEIC Vocabulary 14 | Cấu trúc bài học 16
| Kế hoạch học tập phù hợp theo trình độ 20

DAY 01	Thoát cảnh thất nghiệp	Tuyển dụng	26
DAY 02	Quy định về trang phục	Phép tắc - Quy định	42
DAY 03	Cao thủ chốn văn phòng	Công việc văn phòng (1)	58
DAY 04	Bí quyết kinh doanh	Công việc văn phòng (2)	74
DAY 05	Vũ khí bí mật	Công việc văn phòng (3)	90
DAY 06	Ngày nghỉ	Thời gian rảnh - Cộng đồng	106
DAY 07	Chiến lược marketing	Marketing (1)	122
DAY 08	Chiến lược marketing	Marketing (2)	138
DAY 09	Hỏi sinh nền kinh tế	Kinh tế	154
DAY 10	Cao thủ mua sắm	Mua sắm	168
Câu hỏi theo bài thi TOEIC dạng thức mới 1			184






DAY 11	Ra mắt sản phẩm mới	Phát triển sản phẩm	186
DAY 12	Tự động hóa ở nhà máy	Sản xuất	202
DAY 13	Khách hàng là thượng đế	Dịch vụ khách hàng	218
DAY 14	Mục đích chuyến công tác	Du lịch - Sân bay	234
DAY 15	Đàm phán hợp đồng	Hợp đồng	250
DAY 16	Hiệp định thương mại	Giao dịch	266
DAY 17	Giao hàng nhanh	Thương mại - Vận chuyển	282
DAY 18	Món ăn đặc biệt	Nơi lưu trú - Nhà hàng	298
DAY 19	Tiền thưởng là bao nhiêu	Doanh thu	312
DAY 20	Tiết kiệm chi tiêu	Kế toán	328
Câu hỏi theo bài thi TOEIC dạng thức mới 2			344



DAY 21	Thi đua trong công ty	Xu hướng của doanh nghiệp	346
DAY 22	Một cuộc họp khẩn	Hội họp	362
DAY 23	Nhập vai	Phúc lợi của nhân viên	380
DAY 24	Ngày đầu thăng chức	Luân chuyển nhân sự	396
DAY 25	Lái xe	Giao thông	410
DAY 26	Số dư tài khoản và lòng hiếu thảo	Ngân hàng	426
DAY 27	Bạn bè và cổ phiếu	Đầu tư	442
DAY 28	Cổ điển	Tòa nhà - Nhà	456
DAY 29	Dự báo thời tiết	Môi trường	470
DAY 30	Bệnh nặng	Sức khỏe	486
Câu hỏi theo bài thi TOEIC dạng thức mới 3			500



Đáp án và dịch nghĩa - giải thích		503
120 thành ngữ và cụm từ cố định cần biết để chinh phục bài thi TOEIC		515
INDEX		523



» PART 1 Số lượng câu hỏi giảm.

- Từ 10 câu hỏi trong bài thi cũ nay đã giảm 4 câu xuống còn 6 câu hỏi.

» PART 2 Số lượng câu hỏi giảm, bỏ phần hướng dẫn.

- Từ 30 câu hỏi trong bài thi cũ nay đã giảm 5 câu xuống còn 25 câu hỏi.

» PART 3 Số lượng câu hỏi tăng, thêm hình thức hội thoại mới và hình thức câu hỏi mới.

- Từ 30 câu hỏi • 10 cụm câu hỏi trong bài thi cũ nay đã tăng thêm 9 câu • 3 cụm thành 39 câu hỏi • 13 cụm câu hỏi.
- Hình thức hội thoại mới: hội thoại ba người, hội thoại kéo dài với hơn 5 lượt đối đáp.
- Bổ sung thêm hình thức câu hỏi nắm bắt ý đồ và câu hỏi đi kèm tài liệu trực quan.

» PART 4 Bổ sung thêm các hình thức câu hỏi mới.

- Giữ nguyên số lượng câu hỏi: 30 câu hỏi • 10 cụm câu hỏi.
- Bổ sung thêm hình thức câu hỏi nắm bắt ý đồ và câu hỏi đi kèm tài liệu trực quan.

» PART 5 Số lượng câu hỏi giảm, tỷ lệ câu hỏi về ngữ pháp tăng.

- Từ 40 câu hỏi trong bài thi cũ nay đã giảm 10 câu xuống còn 30 câu hỏi.
- Tỷ lệ câu hỏi về ngữ pháp tăng lên so với các câu hỏi về từ vựng.

» PART 6 Số lượng câu hỏi tăng, bổ sung hình thức câu hỏi mới.

- Từ 12 câu hỏi trong bài thi cũ nay đã tăng thêm 4 câu thành 16 câu hỏi.
- Bổ sung hình thức câu hỏi lựa chọn câu phù hợp, áp dụng với tất cả các cụm câu hỏi.

» PART 7 Số lượng câu hỏi tăng, bổ sung hình thức đoạn văn mới và hình thức câu hỏi mới.

- Từ 48 câu hỏi trong bài thi cũ nay đã tăng thêm 6 câu thành 54 câu hỏi.
- Bổ sung thêm hình thức cụm câu hỏi mới: kết hợp ba đoạn văn, hội thoại qua tin nhắn.
- Bổ sung thêm hình thức câu hỏi mới: nắm bắt ý đồ và chọn vị trí thích hợp cho câu văn được cho.

ĐIỂM NỔI BẬT CỦA HACKERS TOEIC VOCABULARY



1

Chinh phục từ vựng TOEIC trong vòng 30 ngày

Cuốn sách được biên soạn nhằm giúp người học có thể nắm vững những từ vựng cần thiết sẽ xuất hiện trong bài thi TOEIC dạng thức mới trong thời gian 30 ngày. Dù bạn tự học hay đang theo một khóa ôn luyện với giáo viên, thì việc xây dựng được mục tiêu và kế hoạch học tập phù hợp (trang 22 - 25) cũng là một yếu tố quan trọng đảm bảo cho sự thành công trong việc nâng cao vốn từ vựng chỉ sau một tháng.

2

Cung cấp một khối lượng lớn từ vựng cùng các ví dụ thường gặp trong bài thi TOEIC

Ngoài việc cung cấp cho người học một khối lượng lớn từ vựng với gần 7600 từ, cuốn sách còn giới thiệu cả những cụm từ quan trọng thường xuất hiện trong bài thi TOEIC và đưa ra các ví dụ cụ thể, sinh động để người học hiểu và ghi nhớ cách sử dụng những từ, cụm từ đó. Bạn không chỉ được cung cấp những từ vựng thường gặp ở Part 5, 6, 7 của phần thi Reading mà còn được học cả những từ có tần suất xuất hiện cao trong phần thi Listening.

3

Nhấn mạnh những nội dung thường gặp trong bài thi TOEIC dạng thức mới

Bạn sẽ liên tục gặp trong sách những nội dung được trình bày nổi bật dưới tiêu đề **Bài thi TOEIC dạng thức mới**. Đây là những nội dung giúp người học nắm bắt được điểm nhấn và khuynh hướng xuất hiện của các từ vựng trong đề thi. Bên cạnh việc cung cấp từ vựng, giáo trình này còn đưa ra những lưu ý về ngữ pháp cũng như những nhầm lẫn mà thí sinh thường mắc phải trong quá trình làm bài thi.

4

Ôn tập hiệu quả trong thời gian ngắn với các nội dung có tỷ lệ xuất hiện cao trong bài thi

Bằng việc sử dụng các ký hiệu ngôi sao và ký hiệu hình tròn màu đen với mỗi từ, cuốn sách giúp người học dễ dàng xác định được tỷ lệ xuất hiện của từ vựng trong bài thi ở mức độ nào, cũng như từ vựng đó thường gặp trong Part 5, 6 hay Part 7. Nhờ vậy mà bạn có thể định hướng mục tiêu học tập rõ ràng và hiệu quả hơn trong thời gian ngắn.



5

Người học có thể xây dựng được lộ trình học tập theo điểm số mong muốn

Cách thiết kế nội dung hợp lý với việc phân chia thành các phần *Từ vựng TOEIC cơ bản*, *Từ vựng TOEIC mức 800 điểm*, *Từ vựng TOEIC mức 900 điểm* tạo điều kiện cho người học xây dựng được kế hoạch học tập phù hợp với khả năng và mục tiêu điểm số của mình.

6

Học từ vựng theo chủ đề giúp việc học tập có trọng tâm hơn và hiệu quả hơn

Cuốn sách chia các từ vựng thành 30 chủ đề khác nhau tương ứng với 30 ngày học. Mỗi bài học luôn bắt đầu bằng một mẫu truyện tranh ngắn hài hước, thú vị; tiếp đó là các từ vựng đi kèm với những ví dụ cụ thể có liên quan đến chủ đề của bài. Người học nhờ đó sẽ nhớ từ tốt hơn, nắm được cách sử dụng của từ và cụm từ, đồng thời cũng mở rộng được vốn hiểu biết trong lĩnh vực có liên quan.

7

Chuẩn bị hoàn hảo nhất cho bài thi TOEIC với 120 thành ngữ và cụm từ cố định cần biết

Trong bài thi TOEIC dạng thức mới, ở Part 3, 4 và 7 các thành ngữ và cụm từ cố định mà nếu chưa gặp qua lần nào, thí sinh sẽ rất dễ hiểu nhầm nghĩa của chúng. Bảng liệt kê 120 thành ngữ và cụm từ cố định cần biết sẽ giúp người học chuẩn bị tốt nhất cho phần thi của mình.

8

Các cụm câu hỏi bám sát với bài thi thật của TOEIC dạng thức mới

Sau khi đã ghi nhớ và nắm vững cách sử dụng các từ vựng, đừng quên mục tiêu của bạn là vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các câu hỏi trong bài thi. Cứ sau 10 bài học, cuốn sách lại cung cấp cho bạn một phần luyện tập với cụm 13 câu hỏi có hình thức giống với câu hỏi trong bài thi thật. Hãy thử sức mình và tự đánh giá khả năng của bản thân bằng cách đối chiếu với phần đáp án và giải thích chi tiết ở cuối sách.

CẤU TRÚC BÀI HỌC



HỌC TỪ VỰNG TRONG TÂM

1 Giới thiệu về chủ đề và truyện tranh ngắn

DAY

01

Chinh phục từ vựng của bài thi TOEIC mỗi trong 30 ngày

THOÁT CẢNH THẤT NGHIỆP

Tuyển dụng

Bi quyết của thành công là từ tin!

Năm vững chủ đề để chuẩn bị cho Bài thi TOEIC dạng thức mới
 Trong chủ đề tuyển dụng, chúng ta sẽ chủ yếu gặp những nội dung như thông báo tuyển dụng, đơn xin việc, email thông báo kết quả phỏng vấn. Hãy cùng tìm hiểu những từ vựng thường gặp trong chủ đề này.

2 Từ vựng chính

3 Tỷ lệ xuất hiện của từ

4 Thường xuất hiện trong phần thi nào

5 Nghĩa của từ

6 Câu ví dụ và dịch nghĩa

9 inform ***

[uk ɪn'fɔ:m]
[us ɪn'fɔ:m]

der.] information (n)
thông tin

informative (adj)
nhiều thông tin, kiến thức

v thông báo, báo tin

Please **inform** the director that the meeting has been canceled.
 Vui lòng báo cho giám đốc biết là cuộc họp đã bị hủy.

Bài thi TOEIC dạng thức mới

inform : explain

Hãy phân biệt hai từ cùng mang nghĩa "cung cấp thông tin" qua các ví dụ.

inform of sth/mệnh đề that cho ai biết về điều gì
 Sau **inform** là tân ngữ chỉ người.

10 Phiên âm

9 Hình minh họa

8 Các từ phái sinh

7 Bài thi TOEIC dạng thức mới

* Các ký hiệu sử dụng trong sách:

v động từ | **n** danh từ | **adj** tính từ | **adv** trạng từ | **prep** giới từ | **phr** mệnh đề |

der. từ phái sinh | **syn.** từ đồng nghĩa | **ant.** từ trái nghĩa



1 | Giới thiệu về chủ đề và truyện tranh ngắn

Giới thiệu về chủ đề và những nội dung thường xuất hiện trong đề thi liên quan đến chủ đề đó. Mở đầu mỗi bài là một mẫu truyện tranh hài hước với các từ vựng sẽ được học trong bài.

2 | Từ vựng chính

Đây là phần cung cấp các từ vựng trọng tâm liên quan đến những chủ đề thường xuất hiện trong Part 5, 6, 7. Không chỉ học từ, bạn còn được cung cấp thêm nhiều thông tin liên quan giúp việc học tập và chuẩn bị cho bài thi hiệu quả hơn.

3 | Tỷ lệ xuất hiện của từ

Được biểu diễn dưới dạng những ngôi sao cạnh mỗi từ, trong đó ***, ** và * lần lượt tương ứng với tỷ lệ xuất hiện của từ đó trong bài thi là rất cao, cao và trung bình.

4 | Thường xuất hiện trong phần thi nào

Bạn cũng sẽ biết từ vựng đang học thường xuất hiện trong phần thi nào thông qua màu sắc của hình tròn nhỏ bên cạnh từ. Màu đen cho biết từ đó thường gặp trong Part 5 và 6, màu trắng tương ứng với Part 7.

5 | Nghĩa của từ

Một từ có thể có rất nhiều nghĩa nên phần này chỉ cung cấp những nghĩa thường được sử dụng nhiều nhất trong bài thi TOEIC. Bên cạnh đó, bạn còn được học những từ vựng liên quan và những từ thường được kết hợp với từ vựng đó.

6 | Ví dụ và dịch nghĩa

Đây là những câu có chứa từ đang học sát với cách mà từ đó thường xuất hiện trong bài thi TOEIC. Phần dịch nghĩa sẽ giúp bạn hiểu và nắm bài tốt hơn.

7 | Bài thi TOEIC dạng thức mới

Phần này chỉ cho người học thấy cách các từ vựng được sử dụng trong câu hỏi của bài thi TOEIC. Những câu hỏi đó có thể yêu cầu thí sinh chọn từ điền vào chỗ trống, chọn đáp án đúng ngữ pháp, chọn từ đồng nghĩa, v.v.

8 | Các từ có liên quan

Dưới mỗi từ vựng chính là các từ có liên quan như từ phái sinh, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa để người học có thể mở rộng vốn từ của mình.

9 | Hình minh họa

Một số từ sẽ được minh họa bằng những hình vẽ sinh động giúp cho việc hiểu nghĩa và ghi nhớ từ vựng đó được dễ dàng hơn.

10 | Phiên âm

Bằng cách cung cấp phiên âm cả giọng Mỹ và giọng Anh, cuốn sách giúp người học chuẩn bị tốt hơn cho phần thi Listening. Sự khác biệt giữa hai cách phát âm sẽ được chỉ rõ bằng phân gạch chân nên bạn có thể dễ dàng phân biệt.



TỪ VỰNG TOEIC HOÀN CHỈNH

TỪ VỰNG TOEIC HOÀN CHỈNH

Tuyển dụng

Từ vựng TOEIC cơ bản

LC	<input type="checkbox"/> application form	phr mẫu đơn xin việc
	<input type="checkbox"/> career	n sự nghiệp, nghề nghiệp
	<input type="checkbox"/> completion	n sự hoàn thành

Từ vựng TOEIC mức 800 điểm

LC	<input type="checkbox"/> achieve one's goal	phr đạt mục tiêu của ai đó
	<input type="checkbox"/> apprentice	n người học việc, người tập sự
	<input type="checkbox"/> dress formally	phr ăn mặc trang trọng
	<input type="checkbox"/> dressed in suit	phr mặc vest, com lê
	<input type="checkbox"/> figure out	phr tìm ra, phát hiện ra
	<input type="checkbox"/> full-time work	phr công việc toàn thời gian

Từ vựng TOEIC mức 900 điểm

LC	<input type="checkbox"/> credential	n thông tin xác thực, giấy chứng nhận
	<input type="checkbox"/> firsthand	phr trực tiếp, mắt thấy tai nghe
	<input type="checkbox"/> hiring committee	phr Ủy ban tuyển dụng
	<input type="checkbox"/> not to mention	phr không đề cập đến
	<input type="checkbox"/> on occasion	phr nhân dịp

1 Từ vựng TOEIC cơ bản

Đây là những từ vựng cơ bản mà bạn nhất định phải nhớ để chuẩn bị cho bài thi TOEIC. Các từ vựng này được phân thành hai phần LC, RC căn cứ theo tần suất xuất hiện của chúng trong phần thi Listening và Reading.

2 Từ vựng TOEIC mức 800 điểm

Nếu mục tiêu điểm số của bạn là 800 điểm trở lên, đừng bỏ qua những từ vựng này. Từ vựng ở phần này được phân thành các mục từ thường gặp trong LC, Part 5, Part 6 và Part 7.

3 Từ vựng TOEIC mức 900 điểm

Đây là phần dành cho người học có điểm số mục tiêu là 900 điểm trở lên. Từ vựng ở phần này cũng được phân thành các mục từ thường gặp trong LC, Part 5, Part 6 và Part 7.



NỘI DUNG ÔN TẬP BỔ SUNG

DAY 01 Daily Checkup

Tim ở cột bên phải nghĩa của các từ vựng ở cột bên trái và nối chúng với nhau.

- 01 applicant ④ đào tạo, huấn luyện
- 02 impressed ⑤ quen thuộc
- 03 training ③ tìm hiểu, xác nhận
- 04 meet ② thỏa mãn, đáp ứng
- 05 familiar ① ứng viên

Hãy chọn từ phù hợp để điền vào mỗi câu của bài thi TOEIC dạng thức mới sau.

Điền từ thích ứng nhất
Đánh từ mới thường đi cùng với các từ như excellent, weak

06 Mark's ___ language skills helped him to get the job.

1 Daily Checkup

Daily Checkup là phần câu hỏi ôn tập cuối mỗi bài được biên soạn theo định dạng bài thi thật có kèm theo các lưu ý nhỏ, qua đó bạn có thể kiểm tra lại những kiến thức đã học được trong ngày.

CÂU HỎI THEO BÀI THI TOEIC DẠNG THỨC MỚI 1

- 01 The community center provides residents a ----- of courses in arts and crafts.
(A) prospect
(B) variety
(C) consequence
(D) improvement
- 02 Users of the Zwisher line of kitchen appliances will ----- from the many conveniences they provide.
(A) improve
(B) benefit
- 03 The museum's current ----- features displays of ancient art discovered at a historical site in Turkey last year.
(A) audience
(B) exhibition
(C) subscription
(D) announcement
- 04 Online companies have an ----- over traditional retail stores because they spend less on maintenance.

2 Câu hỏi theo bài thi TOEIC dạng thức mới

Cứ sau 10 ngày học, bạn lại có dịp được thử sức với cụm câu hỏi sát với bài thi TOEIC dạng thức mới nhằm ôn tập lại kiến thức cũ đồng thời nâng cao khả năng thích ứng với bài thi thật. Đáp án và giải thích chi tiết cho các cụm câu hỏi này nằm ở phần cuối sách.

120 THÀNH NGỮ VÀ CỤM TỪ CỐ ĐỊNH CẦN BIẾT ĐỂ CHINH PHỤC BÀI THI TOEIC

Ở Part 3 - 4 của phần thi Listening và Part 7 của phần thi Reading, thí sinh thường gặp các thành ngữ và cụm từ cố định mà nếu chưa gặp qua lần nào, bạn sẽ rất dễ hiểu nhầm nghĩa của chúng. Trong phần này, bạn sẽ được làm quen với những thành ngữ và cụm từ cố định như vậy để có thể chuẩn bị tốt nhất cho bài thi TOEIC. Bảng kèm cùng có kèm theo với các câu để ở cuối mỗi trang.

120 Hình dưới đây liệt kê các thành ngữ và cụm từ mà bạn nên học và chúng kèm với sự liên kết với từ vựng

* <input type="checkbox"/> across the board	toàn diện, trên mọi lĩnh vực
* <input type="checkbox"/> around the corner	rất gần, sắp xảy ra
* <input type="checkbox"/> air we speak	bây giờ, ngày lúc này
* <input type="checkbox"/> at any rate	dù sao đi nữa
* <input type="checkbox"/> back out	rút khỏi (một cam kết)
* <input type="checkbox"/> be better off	lợi hơn, khấm khá hơn
* <input type="checkbox"/> be jammed with	chật ních, kẹt cứng
* <input type="checkbox"/> be on one's way	đang đi, đã lên đường

3 120 thành ngữ và cụm từ cố định cần biết để chinh phục bài thi TOEIC

Đây là các thành ngữ và cụm từ cố định thường xuất hiện trong các đoạn văn và câu hỏi ở Part 3, 4 và 7 của bài thi TOEIC dạng thức mới.

Phần index này tổng hợp tất cả những từ vựng được giới thiệu trong sách. Các từ vựng trong tâm được in bằng chữ màu xám nhằm giúp việc ôn tập được thuận tiện và hiệu quả hơn.

A	accomplished	194	adhere
A as well as B	accomplishment	479	adjust
A be followed by B	accordance	279	adjustment
A and B alike	accordingly	57	adjusts
A complete line of	account	49	adjust the mirror
a couple of	account payable	449	administration
a glass of	accountable	76	administrative
a great deal	accounting	379	admission
a great deal of	accounting	495	admission to
a large attendance	action	441	admission
a letter of introduction	accuse	248	admit
a lot of	accuse	454	advice
a piece of equipment	accusation	191	advice manuscript
a range of	accusatory	335	advised
a selection of	accuse	15	advised
a sheet of	accusation	165	advisedly
a string of	accumulate	59	advisors
a variety of (= various)	achievable	201	adverse
	achieve	329	adversely
	achieve one's goal	99	adversity
	achievement	26	advisory

4 Index

Đây là phần phụ lục tổng hợp tất cả những từ vựng đã được giới thiệu trong sách. Các từ vựng trọng tâm được in bằng chữ màu xám nhằm giúp việc ôn tập được thuận tiện và hiệu quả hơn.



- Nếu bạn có một mục tiêu điểm số cụ thể, hãy lật sang các trang tiếp theo (trang 22 - 25) để lựa chọn lộ trình học tập phù hợp với mục tiêu đó.
- Nếu bạn chưa có mục tiêu cụ thể nào về điểm số, hãy làm bài Self-Test dưới đây để tự đánh giá trình độ của mình và lựa chọn một lộ trình học tập phù hợp.

Self-Test

1. Bạn có biết những từ dưới đây không?

accessible expand means outstanding postpone

- Tất cả đều là từ mới đối với tôi
- Tôi biết một đến hai từ trong số đó
- Tôi biết ba đến bốn từ trong số đó
- Tôi biết tất cả những từ đó

2. Việc nghe, đọc và hiểu các câu bằng tiếng Anh với bạn như thế nào?

- Tôi không hiểu gì, kể cả với những câu dễ nhất
- Tôi có thể hiểu đôi chút những câu đơn giản nhưng rất khó khăn để hiểu những câu dài
- Tôi hiểu được ý nghĩa của hầu hết các câu, nhưng với những câu có cấu trúc ngữ pháp phức tạp thì hơi khó nắm bắt
- Tôi dễ dàng hiểu cả những câu tương đối dài và phức tạp

3. Bạn có thể phân biệt được từ loại của các từ vựng dưới đây không?

competition competitive competent compete competitively

- Đây là lần đầu tiên tôi nghe đến khái niệm “từ loại” trong tiếng Anh
- Tôi có thể phân biệt được từ loại của một đến hai từ
- Tôi có thể phân biệt được từ loại của ba đến bốn từ
- Tôi có thể phân biệt được từ loại của cả năm từ

4. Bạn có biết rõ về các hình thức câu hỏi của từng phần thi trong bài thi TOEIC không?

- Tôi hoàn toàn không biết gì
- Tôi biết bài thi này được chia thành hai phần thi là nghe hiểu và đọc hiểu
- Tôi biết các hình thức câu hỏi của từng phần thi
- Tôi không chỉ biết về hình thức câu hỏi của các phần thi mà còn biết phương pháp ôn luyện để chuẩn bị cho từng phần thi đó



5. Bạn có biết mối quan hệ giữa hai từ vựng dưới đây không?

allow : prevent

- A. Tôi không biết nghĩa của cả hai từ
- B. Tôi chỉ biết nghĩa của một từ
- C. Tôi biết sơ qua nghĩa của hai từ này nhưng không biết về mối quan hệ giữa chúng
- D. Tôi biết rõ mối quan hệ giữa hai từ đó

6. Mức độ hài lòng của bạn với điểm số của bài thi tiếng Anh chính thức lần trước?

- A. Bài thi đó thực sự rất tệ
- B. Có lẽ tôi cần phải nỗ lực một thời gian dài nữa
- C. Có thể tôi chỉ cần nỗ lực thêm chút nữa thôi
- D. Tôi hoàn toàn hài lòng với bài thi đó

7. Bạn có thể phân biệt được cách sử dụng của các từ vựng dưới đây không?

notify : announce : reveal

- A. Tôi không biết nghĩa của các từ đó
- B. Tôi biết nghĩa nhưng không biết cách sử dụng các từ này
- C. Tôi có thể phân biệt được cách dùng của hai từ
- D. Tôi có thể phân biệt rõ ràng cách sử dụng của cả ba từ

8. Khi làm bài thi tiếng Anh, có nhiều câu hỏi bạn không trả lời được vì không biết từ vựng không?

- A. Tôi không biết một từ nào trên cả trang đề thi
- B. Tôi có đọc được nhưng không hiểu nghĩa
- C. Có nhiều câu hỏi tôi trả lời theo cảm tính, việc hiểu chính xác ý nghĩa của câu rất khó khăn
- D. Có rất ít từ mà tôi không biết trong đề thi, tôi có thể trả lời chính xác gần như tất cả các câu hỏi

* Với điểm số cho các câu trả lời là A = 0, B = 1, C = 2, D = 3, hãy tự chấm và cộng điểm tổng.

Điểm tổng: _____ điểm/24 điểm. ->> Xem kết quả và kế hoạch học tập ở trang sau



Kế hoạch học tập cho mục tiêu 600 – 700 điểm (Bài Self-Test từ 0 đến 11 điểm)

Dưới đây là lộ trình học tập hai giai đoạn trong vòng 30 ngày được đề xuất cho những người cần xây dựng vốn từ vựng TOEIC cơ bản và hướng đến mục tiêu đạt điểm số từ 600 - 700 điểm với giáo trình **Hackers TOEIC Vocabulary**.

Giai đoạn	Kế hoạch học tập
Giai đoạn 1 (Từ ngày 01 đến ngày 15)	Từ vựng trọng tâm (học từ) <ul style="list-style-type: none"> Ghi nhớ các từ vựng trọng tâm của hai bài mỗi ngày.
Giai đoạn 2 (Từ ngày 16 đến ngày 30)	Từ vựng trọng tâm (học từ, ví dụ, những nội dung sẽ xuất hiện trong bài thi TOEIC dạng thức mới) <ul style="list-style-type: none"> Mỗi ngày, hãy ôn lại các từ vựng trọng tâm của hai bài học, xem ví dụ để nắm chắc cách sử dụng của từ, đọc kỹ phần Bài thi TOEIC dạng thức mới để biết xu hướng ra đề của các câu hỏi về từ vựng.
	Từ vựng TOEIC hoàn chỉnh (Từ vựng TOEIC cơ bản) <ul style="list-style-type: none"> Mỗi ngày, hãy học thuộc phần Từ vựng TOEIC cơ bản của hai bài.

* Mỗi khi kết thúc một giai đoạn, hãy chuyển tới học phần 120 thành ngữ và cụm từ cố định cần biết để chinh phục bài thi TOEIC (trang 515).



Kế hoạch học tập cho mục tiêu 800 điểm

(Bài Self-Test từ 12 đến 17 điểm)

Dưới đây là lộ trình học tập ba giai đoạn trong vòng 30 ngày được đề xuất cho những người có vốn từ vựng ở trình độ trung cấp và hướng đến mục tiêu đạt 800 điểm với giáo trình *Hackers TOEIC Vocabulary*.

Giai đoạn	Kế hoạch học tập
Giai đoạn 1 (Từ ngày 01 đến ngày 10)	Từ vựng trọng tâm (học từ) <ul style="list-style-type: none">Ghi nhớ các từ vựng trọng tâm của ba bài mỗi ngày.
Giai đoạn 2 (Từ ngày 11 đến ngày 20)	Từ vựng trọng tâm (học từ và ví dụ) <ul style="list-style-type: none">Mỗi ngày, hãy ôn lại các từ vựng trọng tâm của ba bài, xem ví dụ để nắm chắc cách sử dụng từ. Từ vựng TOEIC hoàn chỉnh (Từ vựng TOEIC cơ bản) <ul style="list-style-type: none">Mỗi ngày, hãy học những từ vựng TOEIC cơ bản mà bạn chưa nắm rõ của ba bài.
Giai đoạn 3 (Từ ngày 21 đến ngày 30)	Từ vựng trọng tâm (học từ, ví dụ và những nội dung sẽ xuất hiện trong bài thi TOEIC mới) <ul style="list-style-type: none">Mỗi ngày, hãy ôn lại các từ vựng trọng tâm của ba bài, đọc kỹ ví dụ để nắm chắc cách sử dụng của từ, đọc thêm phần <i>Bài thi TOEIC dạng thức mới</i> để biết xu hướng ra đề của các câu hỏi về từ vựng.Luyện tập trả lời các câu hỏi về từ vựng của Part 5, 6, 7 với các cụm <i>Câu hỏi theo bài thi TOEIC dạng thức mới</i>. Từ vựng TOEIC hoàn chỉnh (Từ vựng TOEIC mức 800 điểm) <ul style="list-style-type: none">Mỗi ngày, hãy học thuộc phần <i>Từ vựng TOEIC mức 800 điểm</i> của ba bài.

* Mỗi khi kết thúc một giai đoạn, hãy chuyển tới học phần *120 thành ngữ và cụm từ cố định cần biết để chinh phục bài thi TOEIC* (trang 515).



Kế hoạch học tập cho mục tiêu 900 điểm

(Bài Self-Test từ 18 đến 24 điểm)

Dưới đây là lộ trình học tập ba giai đoạn trong vòng 30 ngày được đề xuất cho những người có vốn từ vựng xuất sắc và hướng đến mục tiêu đạt 900 điểm với giáo trình **Hackers TOEIC Vocabulary**.

Giai đoạn	Kế hoạch học tập
Giai đoạn 1 (Từ ngày 01 đến ngày 10)	Từ vựng trọng tâm (học từ và ví dụ) <ul style="list-style-type: none"> Mỗi ngày, hãy học thuộc từ vựng trọng tâm của ba bài, đọc kỹ ví dụ để nắm vững cách sử dụng của từ.
	Từ vựng TOEIC hoàn chỉnh (Từ vựng TOEIC cơ bản) <ul style="list-style-type: none"> Mỗi ngày, hãy ôn lại những từ vựng TOEIC cơ bản mà bạn chưa nắm rõ của ba bài.
Giai đoạn 2 (Từ ngày 11 đến ngày 20)	Từ vựng trọng tâm (học từ, ví dụ và những nội dung sẽ xuất hiện trong bài thi TOEIC mới) <ul style="list-style-type: none"> Mỗi ngày, hãy ôn lại các từ vựng trọng tâm của ba bài, đọc kỹ ví dụ để nắm chắc cách sử dụng của từ, đọc thêm phần <i>Bài thi TOEIC dạng thức mới</i> để biết xu hướng ra đề của các câu hỏi về từ vựng.
	Từ vựng TOEIC hoàn chỉnh (Từ vựng TOEIC mức 800 điểm) <ul style="list-style-type: none"> Mỗi ngày, hãy ôn lại những từ bạn chưa nắm rõ trong phần <i>Từ vựng TOEIC mức 800 điểm</i> của ba bài.
Giai đoạn 3 (Từ ngày 21 đến ngày 30)	Từ vựng trọng tâm (học từ, ví dụ và những nội dung sẽ xuất hiện trong bài thi TOEIC mới) <ul style="list-style-type: none"> Mỗi ngày, hãy ôn lại từ vựng trọng tâm của ba bài, xem ví dụ để nắm chắc cách sử dụng của từ, đọc kỹ phần <i>Bài thi TOEIC dạng thức mới</i>, học thuộc các từ vựng liên quan đến từ vựng trọng tâm. Luyện tập trả lời các câu hỏi về từ vựng của Part 5, 6, 7 với các cụm <i>Câu hỏi theo bài thi TOEIC dạng thức mới</i>.
	Từ vựng TOEIC hoàn chỉnh (Từ vựng TOEIC mức 900 điểm) <ul style="list-style-type: none"> Mỗi ngày, hãy học thuộc phần <i>Từ vựng TOEIC mức 900 điểm</i> của ba bài.

*Mỗi khi kết thúc một giai đoạn, hãy chuyển tới học phần *120 thành ngữ và cụm từ cố định cần biết để chinh phục bài thi TOEIC* (trang 515).



Kế hoạch học tập dành cho những đối tượng đã có vốn từ vựng xuất sắc

Dưới đây là lộ trình học tập được đề xuất cho những đối tượng đã có vốn từ vựng xuất sắc và muốn nâng cao trình độ của mình với **Hackers TOEIC Vocabulary**.

Giai đoạn	Kế hoạch học tập
Giai đoạn 1 (Từ ngày 01 đến ngày 30)	Từ vựng trọng tâm <ul style="list-style-type: none">Mỗi ngày, hãy học từ vựng trọng tâm và các từ vựng liên quan của một bài, xem ví dụ để nắm rõ cách sử dụng của từ.Đọc phần Bài thi TOEIC dạng thức mới để nắm rõ xu hướng ra đề của các câu hỏi về từ vựng.Luyện tập trả lời các câu hỏi về từ vựng của Part 5, 6, 7 với các cụm Câu hỏi theo bài thi TOEIC dạng thức mới.
	Từ vựng TOEIC hoàn chỉnh <ul style="list-style-type: none">Mỗi ngày, hãy ôn lại và học thuộc những từ mà bạn chưa nắm rõ trong các phần Từ vựng TOEIC cơ bản, Từ vựng TOEIC mức 800 điểm và Từ vựng TOEIC mức 900 điểm.

* Sau khi kết thúc giai đoạn này, hãy chuyển tới học phần *120 thành ngữ và cụm từ cố định cần biết để chinh phục bài thi TOEIC* (trang 515).

DAY

01

30 phút tự học TOEIC mỗi ngày

THOÁT CẢNH THẤT NGHIỆP

Tuyển dụng

Nắm vững chủ đề để chuẩn bị cho Bài thi TOEIC dạng thức mới!

Với chủ đề tuyển dụng, chúng ta sẽ thường gặp trong đề thi những nội dung như thông báo tuyển dụng, đơn xin việc, email thông báo kết quả phỏng vấn. Hãy cùng tìm hiểu những từ vựng thường xuất hiện trong chủ đề này.

Bí quyết của thành công là tự tin!



1 **résumé** **

[UK rézʊmèi]
[US rézju:mei]

n sơ yếu lý lịch

Fax your **résumé** and cover letter to the above number.
Hãy gửi sơ yếu lý lịch và đơn xin việc của bạn qua fax đến số bên trên.

2 **opening** **

[UK óupəniŋ]
[US óupəniŋ]

[syn.] **vacancy** khoảng trống, vị trí trống

n vị trí trống, sự mở cửa, lễ khai trương

There are several job **openings** at the restaurant right now.
Ngày bây giờ đang có một vài vị trí công việc còn trống ở nhà hàng.
JX Finances officially announced the **opening** of its first international branch.
JX Finances đã chính thức thông báo việc khai trương chi nhánh quốc tế đầu tiên của mình.



Bài thi TOEIC dạng thức mới

[Ngữ pháp]

an opening vị trí trống (danh từ đếm được)

Khi **opening** được dùng với nghĩa “vị trí trống” thì đây là danh từ đếm được, ta cần thêm mạo từ không xác định **an** hoặc viết dưới dạng số nhiều **openings**.

[syn.]

Khi **opening** mang nghĩa “vị trí trống”, ta có thể thay nó bằng **vacancy**.

3 **applicant** ***

[æplɪkənt]

[der.] **apply** (v) áp dụng, ứng tuyển
application (n) đơn ứng tuyển, sự ứng dụng
appliance (n) thiết bị, dụng cụ

n ứng viên, người xin việc

Applicants are required to submit a **résumé**.
Các ứng viên cần phải nộp sơ yếu lý lịch.



Bài thi TOEIC dạng thức mới

[Cụm từ thường gặp]

complete/submit/receive + an application

điền/nộp/nhận đơn đăng ký

application thường đi kèm các động từ như **complete**, **submit**, **receive**.

[Các từ dễ nhầm lẫn]

applicant ứng viên
application bản đăng ký, đơn ứng tuyển, sự ứng dụng

Cần phân biệt rõ **applicant** là danh từ chỉ người và **application** là danh từ chỉ vật. Tuy có cùng gốc từ nhưng chúng mang ý nghĩa hoàn toàn khác nhau. Chúng ta cũng nên lưu ý tránh nhầm lẫn với từ **appliance** (thiết bị điện tử).

4 **requirement** ***

[UK rikwáíəmənt]
[US rikwáíəmənt]

[der.] **require** (v) yêu cầu
[syn.] **prerequisite** điều kiện tiên quyết

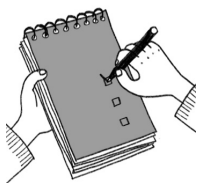
n điều kiện cần thiết, yêu cầu

A driver's license is a **requirement** of this job.
Giấy phép lái xe là một điều kiện cần cho công việc này.

5 **meet*****

[mi:t]

syn. **satisfy, fulfill**
thỏa mãn, đáp ứng
(yêu cầu, điều kiện)



6 **qualified*****

[UK kwɔːlɪfaɪd]

[US kwɔːlɪfaɪd]

der. **qualify** (v) đủ điều kiện,
phù hợp

qualification (n)

phẩm chất, năng lực

qualifier (n)

người đủ điều kiện

syn. **certified**
được chứng nhận

7 **candidate*****

[UK kændɪdət]

[US kændɪdət]

syn. **applicant** ứng viên

8 **confidence****

[UK kɒnfɪdəns]

[US kɒnfɪdəns]

der. **confident** (adj)
tự tin, tin tưởng



Bài thi TOEIC dạng thức mới



a requirement + of/for điều kiện cần cho

requirement thường đi kèm giới từ **of, for**

v thỏa mãn, đáp ứng (yêu cầu, điều kiện)

Applicants must **meet** all the requirements for the job.

Các ứng viên phải đáp ứng tất cả yêu cầu của công việc.



Bài thi TOEIC dạng thức mới



meet one's needs đáp ứng nhu cầu của ai đó

meet requirements đáp ứng các yêu cầu/đòi hỏi

meet customer demand đáp ứng yêu cầu của khách hàng

meet expectations thỏa mãn mong đợi

meet thường được biết đến với nghĩa "gặp mặt", tuy nhiên trong bài thi TOEIC, nó thường xuất hiện với nghĩa "đáp ứng được yêu cầu nào đó".

adj đủ khả năng, trình độ, điều kiện

People with master's degrees are **qualified** for the research position. Những người có bằng thạc sĩ thì đủ điều kiện cho vị trí nghiên cứu này.



Bài thi TOEIC dạng thức mới



be qualified for đủ điều kiện cho

qualifications for tiêu chuẩn (phẩm chất, năng lực) cho

qualified và danh từ **qualification** thường đi kèm giới từ **for**.

n thí sinh, ứng viên

Five **candidates** will be selected for final interviews.

Năm ứng viên sẽ được chọn vào vòng phỏng vấn cuối cùng.

n sự tự tin, sự tin tưởng, lòng tin

We have **confidence** that she can handle the position.

Chúng tôi có lòng tin rằng cô ấy có thể đảm đương được vị trí này.

The recommendations showed **confidence** in his abilities.

Các thư giới thiệu đều thể hiện sự tin tưởng vào năng lực của anh ấy.



Bài thi TOEIC dạng thức mới



1. show/express + confidence in thể hiện sự tự tin về **confidence** thường ghép cặp với các động từ liên quan đến việc thể hiện cảm xúc như **show, express** và cũng thường đi với giới từ **in**.

- 2. **confidence in** tin chắc, tự tin về điều gì
- ↳ **in confidence** bí mật

Câu hỏi thường sẽ đưa ra từ **confidence** kết hợp với giới từ **in**. Ý nghĩa của cụm từ sẽ hoàn toàn khác nhau tùy vào vị trí của giới từ **in**, các bạn cần lưu ý và học thuộc điều này.

9 **highly*****
[háiili]



adv rất, hết sức

Mr. Monroe's experience makes him **highly** qualified for the job. Kinh nghiệm của Monroe khiến ông ấy rất phù hợp với công việc này.



Bài thi TOEIC dạng thức mới



highly + competent/recommended/qualified/competitive/profitable

rất có khả năng/rất được khuyến khích/rất đủ điều kiện/có tính cạnh tranh cao/ rất có lợi

Trong đề thi, **highly** cũng giống như các trạng từ nhấn mạnh **very, most** đóng vai trò bổ nghĩa cho tính từ hoặc quá khứ phân từ.

10 **professional*****
[prəfɛʃənl]



adj có tính chuyên môn, chuyên nghiệp, lành nghề

Jeff is known as a **professional** photographer. Jeff được biết đến như một nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp.

der. **profession** (n)
nghề nghiệp
professionally (adv)
thành thạo, chuyên nghiệp

n chuyên gia

Merseyside Hospital is looking for a certified health **professional**. Bệnh viện Merseyside đang tìm kiếm một chuyên gia y tế có bằng cấp.

11 **interview*****
[UK ɪntə'vjʊ:]
[US ɪntə'vju:]



n cuộc phỏng vấn

The **interviews** are being held in meeting room three. Các cuộc phỏng vấn đang được thực hiện tại phòng họp số 3.

v phỏng vấn

The manager **interviewed** almost 100 applicants. Vị quản lý này đã phỏng vấn gần 100 ứng viên.

12 **hire*****

[UK haɪə]
[US haɪə]

v thuê mướn, tuyển dụng

The company expects to **hire** several new employees next month.

Công ty kỳ vọng sẽ tuyển được vài nhân viên mới vào tháng tới.

13 **training*****

[ˈtreɪnɪŋ]

n sự đào tạo, huấn luyện

This company offers on-the-job **training** for new staff.

Công ty này cung cấp chương trình đào tạo tại chỗ cho nhân viên mới.

14 **reference*****

[ˌrɛfərəns]

der. refer (v)
tham khảo, xem

n sự giới thiệu, sự tham khảo

Philip asked his previous employer to write a **reference** letter for him.

Philip nhờ quản lý cũ của mình viết một lá thư giới thiệu cho anh ấy.

The database contains **reference** material on all aspects of labor law.

Cơ sở dữ liệu đó chứa tài liệu tham khảo về mọi khía cạnh của luật lao động.

15 **position*****

[pəˈzɪʃən]

n chức vụ, vị trí

The advertised **position** provides health care and other benefits.

Vị trí được quảng cáo đó chu cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và các phúc lợi khác.

v định vị, đặt vào vị trí

The secretary **positioned** the chairs around the table before the meeting began.

Thư ký xếp ghế xung quanh bàn trước khi cuộc họp bắt đầu.



Bài thi TOEIC dạng thức mới

Cụm từ thường gặp

accept a position chấp nhận vị trí làm việc

apply for a position ứng tuyển cho một vị trí

position thường đi kèm các động từ mang nghĩa "ứng tuyển", "chấp thuận".

16 **achievement*****

[əˈtʃi:vmənt]

n thành tựu, thành tích, sự đạt được

List all of your **achievements** from previous jobs on your résumé.

Hãy liệt kê tất cả những thành tích của bạn trong công việc trước vào bản sơ yếu lý lịch.



Bài thi TOEIC dạng thức mới



- achievement thành tựu, thành tích
- achiever người đạt thành tích

Bạn sẽ rất dễ bắt gặp trong đề thi yêu cầu phân biệt danh từ chỉ vật **achievement** và danh từ chỉ người **achiever**.

17 **impressed** ***

[imprést]



adj có ấn tượng, cảm phục

The CEO was **impressed** by his assistant's organizing skills. Vị giám đốc điều hành đã bị ấn tượng bởi kỹ năng tổ chức của viên thư ký đó.



Bài thi TOEIC dạng thức mới



- impressed có ấn tượng, bị ấn tượng
- impressive gây xúc động, gợi cảm

Cần tránh nhầm lẫn giữa 2 từ có hình thái giống nhau này. **impressed** được dùng để miêu tả cảm xúc của con người, **impressive** được dùng để nói về đối tượng gợi lên cảm xúc đó.

18 **excellent** ***

[éksələnt]



adj xuất sắc, vượt trội, ưu tú

Because of her **excellent** managerial skills, Erin was hired for the job.

Nhờ kỹ năng quản lý xuất sắc của mình, Erin đã được tuyển dụng làm công việc này.

19 **eligible** **

[élidʒəbl]

der. **eligibility** (n) sự thích hợp, việc đủ tư cách

ant. **ineligible** không đủ tư cách



adj có đủ tư cách, thích hợp

The part-time workers are also **eligible** for paid holidays.

Các nhân viên bán thời gian cũng đủ điều kiện để được nghỉ phép có trả lương.



Bài thi TOEIC dạng thức mới



be eligible for + membership/compensation/position

đủ kiểu kiện làm hội viên/nhận bồi thường/được thăng chức

be eligible to do có đủ tư cách làm việc gì

eligible thường được sử dụng cùng với giới từ **for** hoặc **to** cùng động từ nguyên thể. Sau **for** thường là những danh từ chỉ sự ưu đãi hay chức vị như **membership, compensation, position**.

20 **identify** **

[UK aɪdɛntɪfaɪ]
[US aɪdɛntɪfaɪ]

der. **identification** (n) sự nhận diện, giấy tờ chứng minh/chứng minh thư

21 **associate** **

[UK əsəʊsiəɪt]
[US əsəʊsiəɪt]

(n) đồng minh, cộng sự

(adj) cùng cộng tác, liên đới
[UK əsəʊsiət, US əsəʊsiət]

der. **association** (n) sự hợp tác, liên minh

22 **condition** **

[kənɪdɪʃən]

23 **employment** **

[ɪmˈplɔɪmənt]

der. **employ** (v) tuyển dụng, thuê (= hire ↔ lay off, dismiss, fire)

employee (n) nhân viên

employer (n) người tuyển dụng

ant. **unemployment** thất nghiệp

Các từ dễ nhầm lẫn

eligible : allowed

Chúng ta hãy phân tích ví dụ của từ này khi mang nghĩa “được cho phép”.

eligible có đủ điều kiện làm gì

Được dùng khi nói về việc một người thỏa mãn điều kiện để làm gì đó.

allowed được cho phép, được đồng ý

Được dùng khi một việc nào đó được phép thực hiện.

Business dinners are included as **allowed** expenses.

Những bữa tối mang tính chất công việc được tính như các khoản chi phí được cho phép.

v nhận diện, nhận ra

Staff members wear uniforms so that they are easy for customers to **identify**.

Các nhân viên mặc đồng phục để khách hàng dễ dàng nhận ra họ.

v liên kết, kết giao

Two of the applicants were **associated** with a competitor.

Hai trong số các ứng viên có liên kết với một đối thủ.



Bài thi TOEIC dạng thức mới

Cum từ thường gặp

be associated with có liên quan tới
in association with hợp tác/liên minh với

Thể bị động **be associated** và danh từ **association** thường xuất hiện trong đề thi, chúng hay được dùng với giới từ **with**.

n điều kiện

The **conditions** of employment are listed in the job.

Những điều kiện của công việc được liệt kê trong thông báo tuyển dụng.

n việc làm

The company announced **employment** opportunities in personnel department.

Công ty đã thông báo những cơ hội việc làm ở phòng nhân sự.

24 **lack****

[læk]



v thiếu, không có

Carl **lacked** the ability to get along well with his coworkers. Carl không có khả năng hòa nhập với các đồng nghiệp của mình.

n sự thiếu hụt

Due to a **lack** of funds, the project has been temporarily halted.

Do thiếu kinh phí, dự án đã tạm thời bị dừng lại.

25 **managerial****

[UK məˈnɪdʒiəriəl]
[US məˈnɛdʒiəriəl]

der. manage (v)
quản lý, điều khiển

syn. supervisory
giám sát, giám thị

adj thuộc về quản lý

Mike is seeking a **managerial** position in the accounting field.

Mike đang tìm kiếm một vị trí quản lý trong ngành kế toán.



Bài thi TOEIC dạng thức mới

managerial + staff/experience nhân viên quản lý, kinh nghiệm quản lý

managerial thường được kết hợp với danh từ "nhân viên" hoặc "kinh nghiệm".

26 **diligent****

[UK dɪlɪdʒənt]
[US dɪlɪdʒənt]

der. diligence (n)
sự cẩn cù, siêng năng
diligently (adv) một cách chăm chỉ, miệt mài

adj siêng năng, cẩn cù

Carmen is one of the most **diligent** workers in the company.

Carmen là một trong những nhân viên siêng năng nhất ở công ty này.

27 **familiar****

[UK fəˈmɪljər]
[US fəˈmɪliə]

der. familiarize (v)
(làm) quen, phổ biến

ant. unfamiliar không quen thuộc, không biết

adj quen thuộc, thuần thục

Staff must review the handbook to become **familiar** with it. Nhân viên phải xem lại sổ tay hướng dẫn để nắm rõ nó.



Bài thi TOEIC dạng thức mới

be familiar with quen thuộc với, nắm rõ
familiar thường đi kèm với giới từ **with**.

28 **proficiency****

[prəˈfɪʃnsi]

der. proficient (adj)
thuần thục, điêu luyện

n sự thông thạo, sự thành thạo

Overseas workers need proof of **proficiency** in a second language.

Người lao động ở nước ngoài cần phải chứng minh sự thông thạo một ngôn ngữ thứ hai.

*** = tỷ lệ xuất hiện rất cao ** = tỷ lệ xuất hiện cao * = tỷ lệ xuất hiện trung bình
● = từ vựng thường gặp trong Part 5 - 6 ○ = từ vựng thường gặp trong Part 7